

Số: 43 /2025/QĐ-CTUBND

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số
24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số
56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý,
sử dụng tài sản công;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7299/TTr-STC
ngày 18 tháng 12 năm 2025 và tổng hợp ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân
tỉnh tại Công văn số 8131/STC-QLG&CS ngày 25 tháng 12 năm 2025; báo cáo
thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 279/BC-STP ngày 12 tháng 12 năm
2025.*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền
quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
Khánh Hòa.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Sở và cơ quan tương đương sở, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là Sở, ban, ngành) và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là đơn vị);

đ) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức);

e) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (đối với các loại tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản bằng hiện vật cho các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định giao tài sản bằng hiện vật cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan Đảng cấp xã, các cơ quan chuyên môn, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định mức khoán cụ thể kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả khảo sát giá, báo giá hoặc thẩm định giá, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách được giao của cơ quan, đơn vị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả khảo sát giá, báo giá hoặc thẩm định giá, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách được giao của cơ quan.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 7 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và tình hình thực tế để quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác cho cán bộ, công chức, đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý có tiêu chuẩn sử dụng tài sản công theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành bảo đảm an ninh, an toàn, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 7 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và tình hình thực tế để quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác cho cán bộ, công chức, đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý có tiêu chuẩn sử dụng tài sản công theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành bảo đảm an ninh, an toàn, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản quy định tại khoản 4, khoản 8, khoản 10 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị mình và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8, điểm b khoản 9, khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi

a) Tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng (trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác).

b) Tài sản gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác).

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản gồm: xe ô tô và phương tiện vận tải khác, tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản gồm: xe ô tô và phương tiện vận tải khác, tài sản khác của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô giữa Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý (bao gồm các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh); giữa Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý với các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã quản lý; giữa các xã, phường, đặc khu; từ các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã sang các tổ chức thuộc tỉnh.

b) Tài sản công không thuộc phạm vi quy định điểm a khoản này (bao gồm vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng sang các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản gồm:

a) Tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (bao gồm vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) của cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh khác và Ủy ban nhân dân cấp xã khác.

b) Tài sản công gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và phương tiện vận tải khác, tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là xe ô tô, phương tiện vận tải khác, tài sản khác là tài sản cố định (bao gồm vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) của cơ quan mình và các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định bán tài sản công là xe ô tô, phương tiện vận tải khác, tài sản khác (bao gồm vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô, phương tiện vận tải khác, tài sản khác là tài sản cố định của cơ quan mình và các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định thanh lý tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, phương tiện vận tải khác, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm: Trụ sở làm việc của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định xử lý tài sản gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, tài sản khác là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, đơn vị mình và của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và phương tiện vận tải khác, tài sản khác là tài sản cố định của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều này) vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước đối với dự án thuộc địa phương quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản của Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản của Ban quản lý dự án cấp xã.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 17;
- Ủy ban Thường vụ Quốc;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC (Bộ Tư pháp);
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình KH;
- Lưu: VT.NDT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam